

Bản án số: 96/2018/HS-PT

Ngày: 23/07/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tôn Anh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bình và Ông Trương Cao Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Hồ Văn Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2018/TLPT-HS ngày 27/02/2018 đối với bị cáo Trần Tiến N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2018/HSST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Tiến N, tên gọi khác: B; sinh ngày 28 tháng 11 năm 1994 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ 6, khu vực 3, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mạnh H (sinh năm 1966) và bà Nguyễn Thị Kim C (sinh năm 1969); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Lúc nhỏ sống với bố mẹ, học văn hóa đến lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà, sau đó học và làm nghề lái xe ô tô. Ngày 22/12/2015, bị Công an phường An Hòa, thành phố Huế xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, mức phạt 350.000 đồng. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đây từng làm nhân viên lái xe và bốc vác hàng hóa cho gia đình chị Nguyễn Thị Song N, nên Trần Tiến N và Đỗ Hữu Q biết rõ gia đình chị N có kho hàng tại địa chỉ B3.9, khu quy hoạch HS, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (khu nhà hiện đang xây dựng, chưa có cửa), trong kho để nhiều đồ gỗ có giá trị. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên vào ngày 26/8/2017, trong lúc

ngồi uống cà phê, N rủ Q đến kho hàng của chị N để trộm cắp tài sản, thì được Q đồng ý.

Khoảng 23 giờ 00' cùng ngày, Đỗ Hữu Q liên lạc với Trần Tiến N, sau đó N điều khiển xe mô tô biển số 75K9-9202 (xe của bà Nguyễn Thị Kim C mẹ N) đến nhà Đỗ Hữu Q, đón và chở Q đến kho hàng của chị N. Tại đây, N đứng ngoài canh giới, còn Q lén lút đột nhập vào kho theo hướng cổng chính. Khi vào trong, phát hiện bên trong có để nhiều loại vật phẩm làm bằng gỗ, trong đó có 02 chiếc lục bình và 01 tượng Phật Di Lặc, nên Q đã lần lượt lấy từng cái chuyên ra cho N qua ô cửa thông gió phía trái khu nhà, rồi tẩu thoát ra bên ngoài bằng lối này.

Sau đó, N và Q đưa toàn bộ tài sản vừa trộm cắp được đến cất giấu tại khu vực phía sau khu vực kho, rồi chở nhau về và hẹn đến 03 giờ sáng ngày hôm sau (27/8/2017) quay lại lấy. Theo hẹn, Q điều khiển xe mô tô biển số 75B1-336.96 (xe của ông Đỗ Hữu Hiệp bố Q) đến nhà N đón và chở đi lấy toàn bộ tài sản trộm cắp trước đó, mang về cất giấu tại nhà Q để tìm nơi tiêu thụ. Do Q và N biết Nguyễn Thắng H làm nghề thợ mộc, quen nhiều người mua bán đồ gỗ, nên Q đã liên lạc với H và nói rõ cho H biết là Q và N vừa lấy trộm được một cặp lục bình và một tượng gỗ tại kho hàng của chị N, nhờ H tìm người để bán lại, thì được H đồng ý. Nguyễn Thắng H đã liên lạc tìm người mua nhưng không được, nên H đã trực tiếp thoả thuận với Q và N để mua 02 chiếc lục bình và 01 tượng Phật Di Lặc với giá 2.000.000 đồng (nhưng chưa trả tiền), rồi đưa về nhà mình nhằm bán lại kiếm lời. Đến ngày 30/8/2017, H đã bán 02 chiếc lục bình lại cho anh Trần Văn D với giá 1.200.000 đồng. H lấy số tiền đó, rồi trả trước cho Q 1.000.000 đồng, số tiền còn lại H hứa sẽ trả sau.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 (một) tượng Phật Di Lặc (ngồi tụng) bằng gỗ Ngũ phúc; kích thước: (20 cm x 40 cm x 60 cm).

+ 02 (hai) lục bình bằng gỗ đã lót sơn; kích thước mỗi cái cao 01 mét, đường kính 0,25 m.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 290/KL-HĐĐG ngày 08/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định trị giá các tài sản tại thời điểm chiếm đoạt như sau:

+ 01 (một) tượng Phật Di Lặc (ngồi tụng) bằng gỗ Ngũ phúc có giá trị 5.000.000 đồng;

+ 02 (hai) lục bình bằng gỗ có giá trị 10.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản hai bị cáo chiếm đoạt là: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại 02 cái lục bình và 01 tượng Phật Di Lặc cho chị Nguyễn Thị Song N. Chị N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm.

Đỗ Hữu Q và Nguyễn Thắng H đã trả lại cho anh Trần Văn D số tiền 1.200.000 đồng, anh D không có yêu cầu gì thêm.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Trần Tiến N và Đỗ Hữu Q và Nguyễn Thắng H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 57/2018/HSST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Tiến N và Đỗ Hữu Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Thắng H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

-Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Trần Tiến N 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, 60, 69, 74 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Đỗ Hữu Q 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46, 60 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Nguyễn Thắng H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/4/2018 bị cáo Trần Tiến N có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa bị cáo bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Tiến N 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999 là đúng người, đúng tội, tuy nhiên xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn bố bệnh nặng vợ gần sinh, bị cáo là lao động chính. Gia đình bị cáo có công trong bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương được cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị xem xét cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Xét vai trò bị cáo trong vụ án là thứ yếu, nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận một phần nhận kháng cáo của bị cáo Trần Tiến N và Áp dụng: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt: Trần Tiến N 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Trần Tiến N UBND phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi bị cáo cư trú giám sát trong thời gian thử thách.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Trần Tiến N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên bị cáo

cho rằng gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn bố bệnh nặng, vợ gần sinh, bị cáo là lao động chính. Gia đình bị cáo có công trong bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương được cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị xem xét cho bị cáo, vai trò bị cáo trong vụ án là thứ yếu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đã có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 23 giờ 00' ngày 26/8/2017, Trần Tiến N và Đỗ Hữu Q lén lút trộm cắp tài sản tại kho hàng của chị Nguyễn Thị Song N, ở địa chỉ B3.9, khu quy hoạch HS, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bị cáo N đứng ngoài cảnh giới, bị cáo Q là người trực tiếp đột nhập vào chiếm đoạt tài sản. Trần Tiến N và Đỗ Hữu Q đã chiếm đoạt của chị N 02 chiếc lục bình và 01 tượng Phật Di Lặc đều bằng gỗ, có tổng trị giá là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Sau đó, Q điều khiển xe mô tô biển số 75B1-336.96 (xe của ông Đỗ Hữu H bố Q) chở N mang về cất giấu tại nhà Q để tìm nơi tiêu thụ. Q đã liên lạc với Nguyễn Thắng H và nói rõ cho H nhờ H tìm người để bán lại, thì được H đồng ý. Nguyễn Thắng H đã liên lạc tìm người mua nhưng không được, nên H đã trực tiếp thỏa thuận với Q và N để mua 02 chiếc lục bình và 01 tượng Phật Di Lặc với giá 2.000.000 đồng (nhưng chưa trả tiền), rồi đưa về nhà mình nhằm bán lại kiếm lời. Đến ngày 30/8/2017, H đã bán 02 chiếc lục bình lại cho anh Trần Văn D với giá 1.200.000 đồng. H lấy số tiền đó, rồi trả trước cho Q 1.000.000 đồng, số tiền còn lại H hứa sẽ trả sau.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kết án bị cáo Trần Tiến N và Đỗ Hữu Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vai trò hành vi của bị cáo và kháng cáo của bị cáo Trần Tiến N xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Tiến N là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần xử lý để giáo dục và phòng ngừa chung. Xét về vai trò trong vụ án thì bị cáo Q chủ động liên lạc và dùng xe của bố mình chở bị cáo N đi trộm cắp. Khi trộm cắp bị cáo N đứng ngoài cảnh giới, bị cáo Q là người trực tiếp đột nhập vào chiếm đoạt tài sản, bị cáo Q cũng là người tìm kiếm người để bán tài sản trộm cắp và trực tiếp nhận toàn bộ tiền bán tài sản. Do đó về vai trò trong vụ án bị cáo Đỗ Hữu Q là người thực hành chính trong vụ án, bị cáo Trần tiến N có vai trò sau bị cáo Q.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (hiện nay là các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

năm 2015) và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, như cấp sơ thẩm đã xem xét. Tại cấp phúc thẩm xét thấy gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn bố bệnh nặng, vợ gần sinh, bị cáo là lao động chính. Gia đình bị cáo có công trong bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương được cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị xem xét cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét thêm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới.

Về nhân thân, Ngày 22/12/2015 bị cáo N bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đến ngày 22/12/2016 được xem như chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo phạm tội vào ngày 26/8/2017 là đã quá 06 tháng kể từ ngày được xem như chưa bị xử phạt hành chính. Do đó Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo Trần Tiến N được coi là có nhân thân tốt.

Bị cáo Trần Tiến N phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có nhân thân tốt, có nơi ở rõ ràng, có nghề nghiệp ổn định. Gia đình bị cáo có công trong bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương được cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị xem xét cho bị cáo. Nên không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao cho chính quyền địa phương quản lý cũng giáo dục được bị cáo.

Xét thấy bị cáo Trần Tiến N có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm về mức hình phạt, sửa án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, như đề nghị của đại D Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Trần Tiến N không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Tiến N, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tiến N 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Tiến N UBND phường An Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi bị cáo cư trú giám sát trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Trần Tiến N không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

*** Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND tp Huế;
- VKSND tp Huế;
- Công an tp Huế;
- Trại tạm giam CAT;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

Tôn Anh Dũng

